

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/DS-PT

Ngày: 12-9-2024

*V/v Tranh chấp về bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Thẩm phán: Ông Trần Mười

Bà Trần Thị Túc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Kim Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 64/2024/QĐPT-DS ngày 02/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh C – sinh năm 1955; cư trú tại thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu T - sinh năm 1985; địa chỉ liên hệ số B đường N, tổ dân phố E, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 26/7/2022).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần N1; địa chỉ trụ sở: Thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê T1 – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Duy K - Trưởng phòng hành chính tổng hợp của Công ty Cổ phần N1 (theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2024).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị T2 – sinh năm 1965; cư trú tại thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Cao T3 – sinh năm 1962: địa chỉ: Thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Nguyễn N – sinh năm 1947: địa chỉ: Thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người kháng cáo: Bà Phan Thị Thu T – sinh năm 1985; địa chỉ: số B đường N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi – là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Chín .

Ông Huỳnh C, bà Phan Thị Thu T, ông Đỗ Duy K, ông Trần Cao T3, ông Nguyễn N có mặt; bà Trương Thị T2, đại diện Ủy ban nhân dân xã P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2022, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 01/4/2022, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Huỳnh C do bà Phan Thị Thu T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Năm 1992, ông Huỳnh C khai hoang được 3 thửa ruộng là thửa đất số 166, diện tích 1.449m² (viết tắt là thửa 166); thửa đất số 282, diện tích 1.224m² (viết tắt là thửa 282) và thửa đất số 283, diện tích 1.224m² (viết tắt là thửa 283); cùng tờ bản đồ số 3, xã P, tại khu vực Đồng dưới trại heo nông trường sát bờ đập Mỏ Vịt để canh tác trồng lúa nước. Trước khi có đập Mỏ Vịt thì mỗi năm ông C làm được 2 vụ lúa nước nhưng sau khi xây dựng đập thì ông C chỉ làm được 1 vụ; vụ Đông Xuân thì các thửa đất này bị ngập nước.

Năm 2018, Công ty cổ phần N1, tiến hành đào lấy đất tại 3 thửa ruộng của ông C vận chuyển đi nơi khác và đắp nâng bờ đập lên cao hơn trước. Đập Mỏ Vịt thuộc quyền sở hữu sử dụng của ai thì ông C không biết nhưng việc đào đất ruộng của ông chở đi nơi khác và đắp nâng bờ đập là do Công ty cổ phần N1 thực hiện, gây thiệt hại cho ông C không sử dụng được 3 thửa ruộng trên vì đều bị ngập nước. Nay ông Huỳnh C yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần N1 phải bồi thường thiệt hại gây ra cho ông C tại thửa 282, diện tích 1.224m², thửa 283, diện tích 1.224m² và thửa 166, diện tích 1.449m², cùng tờ bản đồ số 3, xã P giá trị là 173.478.000 đồng. Ngày 17/3/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu

cầu bồi thường thiệt hại đối với thửa đất số 166, diện tích 1.449m², tờ bản đồ số 3, xã P.

** Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 23/3/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn là Công ty cổ phần N1 (viết tắt là Công ty N1) do ông Đỗ Duy K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Công ty N1 trước đây là Nông trường 24/3 được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Nghĩa Bình thành lập vào ngày 30/12/1977 tại Quyết định số 2356/QĐ/TC và được giao quản lý, sử dụng 4.260 ha đất tự nhiên, trong đó có thửa 282 và thửa 283. Từ năm 1979-1980, lãnh đạo N Đ đã huy động toàn thể cán bộ công nhân viên tổ chức đắp đập dâng nước và nạo vét lòng hồ M để giữ nước phục vụ sản xuất. Toàn bộ khối lượng đất di chuyển xung quanh ven hồ để tạo ra vùng sản xuất lúa, trong đó có thửa 282 và thửa 283.

Để nâng khối lượng trữ nước, phục vụ sản xuất năm 2009, Sở Nông nghiệp đã phê duyệt cấp vốn cho Công ty N1 xây dựng, nâng cấp tràn xả lũ hồ Mỏ Vịt nên thửa 282 và thửa 283 đã bị ngập nước chỉ còn sản xuất được một vụ mùa khô.

Do không còn nhu cầu sử dụng nên ngày 04/9/2015 Công ty N1 đã có tờ trình 125/TTr-24/3 AFC xin giao lại đất cho địa phương quản lý. Ngày 22/10/2015, UBND tỉnh Q đã có Quyết định số 349/QĐ-UBND thu hồi một phần diện tích đất của Công ty N1 tự nguyện trả lại, giao cho UBND xã P và xã P, huyện Đ quản lý. Ngày 13/11/2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, UBND xã P và Công ty N1 đã lập biên bản bàn giao đất trên thực địa về cho địa phương quản lý, trong đó có thửa 282 và thửa 283.

Hồ chứa nước Mỏ Vịt bị bồi lấp, thiếu nước tưới phục vụ sản xuất nên ngày 15/8/2018 UBND tỉnh Q đã có Công văn số 4844/UBND-NNTN cho chủ trương nạo vét vệ sinh, mở rộng lòng hồ M. Ngày 04/10/2018, UBND tỉnh Q đã có Quyết định số 846/QĐ-UBND về việc phê duyệt tiền cấp quyền đăng ký khối lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp dư thừa trong quá trình nạo vét, vệ sinh mở rộng lòng hồ M; Công ty N1 đã tổ chức thi công nạo vét, vệ sinh mở rộng lòng hồ theo đúng thiết kế, không có nâng cấp tràn xả lũ.

Như vậy, thửa 282 và thửa 283 thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty N1 từ năm 1977 cho đến năm 2015. Năm 2009, khi nâng cấp tràn xả lũ hồ Mỏ Vịt thì thửa 282 và thửa 283 đã bị ngập nước, chỉ còn sản xuất được một vụ vào mùa khô. Năm 2015, do không có nhu cầu sử dụng nên Công ty N1 đã trả lại thửa 282 và thửa 283 cho UBND xã P quản lý cho đến nay.

Nông trường 24/3 từ năm 1977 và sau này là Công ty N1 cũng không giao đất cho ông C thuê, mượn thửa 282 và thửa 283. Năm 2018, Công ty N1 chỉ thực hiện nạo vét, mở rộng lòng hồ và giữ nguyên hiện trạng tràn xả lũ hồ M. Vì vậy, việc ông Huỳnh C cho rằng đất do ông khai hoang, công ty đã làm thiệt hại của ông toàn bộ 02 thửa đất nêu trên là không có căn cứ nên Công ty N1 không chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của ông Huỳnh Chín .

Tại đơn trình bày đề ngày 16/12/2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị T2 trình bày: Năm 1992, bà và ông Huỳnh C khai hoang 3 thửa ruộng ở Đồng dưới trại heo nông trường sát bờ đập Mỏ Vịt thuộc tờ bản đồ số 3 xã P và canh tác trồng lúa nước mãi đến năm 2018 không có ai tranh chấp. Các thửa đất trên trước khi có đập Mỏ Vịt thì mỗi năm vợ chồng bà làm được 2 vụ lúa nước; sau khi xây dựng đập Mỏ Vịt chỉ làm được 1 vụ, vì lý do vụ Đông X bị ngập nước.

Năm 2018, Công ty N1 tiến hành đào lấy đất tại thửa 282 và thửa 283 của vợ chồng bà vận chuyển đi nơi khác và đắp nâng bờ đập lên cao hơn trước. Công ty N1 thực hiện gây thiệt hại cho vợ chồng bà, không sử dụng được 02 thửa ruộng trên vì bị ngập nước. Vì vậy, ông Huỳnh C yêu cầu Tòa án buộc Công ty N1 phải bồi thường thiệt hại gây ra cho vợ chồng bà là có căn cứ. Bà hoàn toàn thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Chính .

Tại Văn bản trình bày ngày 29/5/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã P (viết tắt là UBND xã P) do người đại diện theo pháp luật trình bày: Về nguồn gốc thửa 282 và thửa 283 thì trước năm 2015 thuộc quyền quản lý, sử dụng của Nông trường 24/3 sau này là Công ty N1. Năm 2015, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định 349/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 thu hồi một phần diện tích đất của Công ty N1 không có nhu cầu sử dụng và giao lại cho UBND xã P quản lý, trong đó có thửa 282 và thửa 283. Sau năm 2015 thì 02 thửa đất này bị ngập nước vĩnh viễn nên không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình và cá nhân nào. Từ trước đến nay UBND xã P không giao thửa 282 và thửa 283 cho hộ ông Huỳnh C sử dụng.

** Bản án số 59/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:*

Bác toàn bộ khởi kiện của ông Huỳnh C yêu cầu Công ty N1 phải bồi thường thiệt hại số tiền là 173.478.000 đồng vì 02 thửa đất số 282 và 283, tờ bản đồ số 3, xã P bị ngập nước không sử dụng được.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại thửa đất số 166 diện tích 1449m², tờ bản đồ số 3, xã P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 11/10/2023, bà Phan Thị Thu T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn kháng cáo với nội dung hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định kháng cáo yêu cầu hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần nội dung tuyên không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm đối với thửa 282 và thửa 283; đối với phần đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút yêu cầu tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn thống nhất không có ý kiến gì. Việc

thay đổi nội dung kháng cáo của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên được chấp nhận.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 77, 78, 85, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị T2 và đại diện Ủy ban nhân dân xã P thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Phan Thị Thu T làm trong thời hạn luật định là hợp lệ theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ tuyên án vụ án nêu trên. Ngày 11/10/2023, bà Phan Thị Thu T có đơn kháng cáo. Về hình thức, nội dung và thời hạn kháng cáo phù hợp quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị T2 và đại diện UBND xã P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Quảng Ngãi vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng thì thấy,

ngày 22/10/2015 UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 349/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần diện tích đất của Công ty N1 tự nguyện trả lại đất, giao cho UBND các xã P, P, huyện Đ để quản lý và lập phương án đưa vào sử dụng là thực hiện chức năng, nhiệm vụ hành chính được pháp luật quy định; quyền lợi và nghĩa vụ của UBND tỉnh Q không liên quan gì đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm không bổ sung UBND tỉnh Q vào tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng thửa 282 và thửa 283: Tại Công văn số 177/UBND ngày 29/5/2023 (bút lục 171), Biên bản xác minh ngày 11/8/2023 (bút lục 290) của UBND xã P về việc cung cấp thông tin cho Tòa án và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thể hiện: Thửa 282 và thửa 283, cùng tờ bản đồ số 3, xã P trước năm 2015 nằm trong ranh giới của N thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty N1. Năm 2015, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 thu hồi một phần diện tích đất của Công ty N1 do không còn nhu cầu sử dụng đất, giao lại cho UBND xã P, huyện Đ để quản lý và lập phương án đưa vào sử dụng, trong đó có thửa 282 và thửa 283, cùng tờ bản đồ số 3 xã P. Ngày 13/11/2015, đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, đại diện Công ty N1 và đại diện UBND xã P đã tiến hành bàn giao đất trên thực địa. Sau khi nhận các thửa đất nêu trên, UBND xã P có lập phương án số 01/PA-UBND ngày 23/3/2018 về việc giao đất cho các hộ gia đình cá nhân, trong phương án thể hiện xã sẽ giao 02 thửa đất này cho hộ ông Huỳnh Chín . UBND xã P phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ đã khảo sát các thửa đất này và xác định thửa 282 và thửa 283 bị ngập nước vĩnh viễn, không thể xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình hoặc cá nhân nào.

Như vậy, có căn cứ xác định trước ngày 22/10/2015, thửa 282 và thửa 283 thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty N1; từ ngày 22/10/2015 đến nay thửa 282 và thửa 283 thuộc quyền quản lý của UBND xã P theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật đất đai năm 2013.

Nguyên đơn trình bày nguồn gốc thửa đất là do nguyên đơn khai hoang và canh tác trồng lúa từ năm 1992 cho đến năm 2018 thì bị ngập nước vĩnh viễn nên không canh tác được. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thừa nhận: trước năm 2018 đất thuộc N quản lý nên nguyên đơn không kê khai quyền sử dụng đất thửa 282 và thửa 283, sau này Công ty 24/3 trả đất cho địa phương thì UBND xã P quản lý; nguyên đơn đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nhưng đất bị ngập nước vĩnh viễn nên không được cấp GCNQSDĐ. Do đó, trình bày của ông C, bà T2, ông Nguyễn N, ông Nguyễn Ngọc T4 và ông Trần Cao T3 cho rằng ông C là người khai hoang thửa 282 và thửa 283 là không có căn cứ.

Ông Huỳnh C không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao quyền quản lý, sử dụng thửa 282 và thửa 283 nên căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 6 Luật đất đai năm 2013 thì ông C không có quyền quản lý, sử dụng đối với thửa 282 và thửa 283; hai thửa đất này không phải tài sản của ông C, bà T2 nên việc hai thửa này bị ngập

nước vĩnh viễn, không canh tác, sử dụng được cũng không gây thiệt hại đến ông C, bà T2. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông C buộc Công ty N1 bồi thường thiệt hại số tiền 173.478.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa 282 và thửa 283, cùng tờ bản đồ số 3, xã P do Tòa án cấp sơ thẩm xem xét thẩm định không đúng thửa đất tranh chấp. Ngày 07/8/2024, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là người trực tiếp chỉ ranh mốc giới diện tích đất tranh chấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N1 thực hiện đo vẽ, xác định thì thấy trên thửa 282 có các tài sản là 02 đường ống dẫn nước bằng nhựa P được gắn liền với 2 thùng phi nhựa (dùng làm phao), 02 trụ sắt do Công ty N1 lắp đặt vào năm 2019 để bơm nước và trên đất có 03 cây keo của ông Trần Cao T3 trồng năm 2017. Ông T3 xác định ông không tranh chấp gì đối với 03 cây keo vì 03 cây keo này trồng trên phần đất của thửa 282. Nguyên đơn cho rằng vào năm 2018 Công ty N1 tiến hành đào đất tại thửa 282 và thửa 283 vận chuyển đi nơi khác và đắp nâng bờ đập lên cao dẫn đến 02 thửa đất bị ngập nước vĩnh viễn, nguyên đơn không canh tác được và bị thiệt hại nhưng không có tài liệu chứng cứ nào cung cấp cho Tòa án.

Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ nên kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.4] Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty N1 phải bồi thường thiệt hại đối với thửa đất số 166, diện tích 1.449m², tờ bản đồ số 3, xã P. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông Huỳnh C đã rút, nhưng không áp dụng điều luật. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cần sửa lại cách tuyên và áp dụng điều luật theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho chính xác.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy 01 phần Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của UBND tỉnh Q về việc thu hồi thửa 282 và thửa 283, tờ bản đồ số 3, xã P, huyện Đ và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa. Xét việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 270, khoản 2 Điều 284, Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự và không có căn cứ tạm ngừng theo quy định tại Điều 259 và Điều 304 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đối với trình bày cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về tố tụng vì không đưa UBND tỉnh Q và các con của nguyên đơn vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ để xem xét, chấp nhận. Trường hợp, nguyên đơn cho rằng Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của

UBND tỉnh Q xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì khởi kiện vụ án khác.

[3]. Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Thu T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, căn cứ Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông C.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo, nên ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông C.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc và thẩm định giá tài sản ở cấp sơ thẩm tổng cộng là 11.500.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định tại các Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự là 11.500.000 đồng. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc ở giai đoạn cấp phúc thẩm là 8.500.000 đồng. Tổng cộng chi phí tố tụng ông C phải chịu là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), ông C đã nộp và chi phí xong.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ các Điều 147, 157, 165, Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 270, khoản 2 Điều 284, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh C về việc yêu cầu Công ty cổ phần N1 phải bồi thường thiệt hại số tiền là 173.478.000 đồng vì 02 thửa đất số 282 và 283, tờ bản đồ số 3, xã P bị ngập nước không sử dụng được.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với thửa đất số 166, diện tích 1.449m², tờ bản đồ số 3, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi của ông Huỳnh Chín .

3. Về án phí: Ông Huỳnh C được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), ông Huỳnh C phải chịu, ông Huỳnh C đã nộp và chi phí xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thị xã Đức Phổ;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa